

GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG

Aging of Vietnam: current situation and adaptation solutions

VŨ TRỌNG LÂM

Trên cơ sở các số liệu thống kê, dự báo của Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc trong mười năm trở lại đây, căn cứ trên thực tiễn thích ứng với già hóa dân số của các quốc gia trên thế giới, bằng phương pháp tổng hợp, phân tích số liệu và dự báo tình hình già hóa dân số Việt Nam, bài viết đưa ra những giải pháp, đề xuất chính sách nhằm kịp thời thích ứng với tình trạng già hóa dân số trong điều kiện của Việt Nam.

Từ khóa: lực lượng lao động, an sinh xã hội, hệ thống hưu trí.

Based on statistical data and forecasts of Vietnam's General Statistics Office and the United Nations Population Fund over the past ten years and on the practice of adapting to population aging in countries around the world by synthesizing, analyzing data, and forecasting the population aging in Vietnam, the article offers solutions and policy proposals to promptly adapt to the population aging under Vietnam's conditions.

Từ khóa: labor force, social security, pension system.

1. Mở đầu

Già hóa dân số là hiện tượng độ tuổi trung bình và độ tuổi trung vị của dân số tăng lên khi tỷ lệ người trưởng thành và người cao tuổi trong cơ cấu dân số tăng trong khi tỷ lệ trẻ em và vị thành niên giảm. Theo Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), già hóa dân số hay còn gọi là giai đoạn “dân số đang già” khi tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% đến dưới 14% tổng dân số hoặc tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm từ 10% đến dưới 20% tổng dân số. Già hóa dân số là kết quả của quá độ nhân khẩu học, trong đó mức chết và mức sinh đều giảm, cùng với tổng tỷ suất sinh giảm dần xuống mức sinh thay thế, tuổi thọ bình quân tăng lên làm tăng số lượng người cao tuổi nói chung và lao động cao tuổi nói riêng, nghĩa là tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi giảm, tỷ lệ người cao tuổi

tăng (UNFPA, 2012). Già hóa dân số đang trở thành một xu hướng, một vấn đề quan trọng đối với các nước đang phát triển - nơi mà dân số sẽ bị già hóa nhanh chóng trong nửa đầu của thế kỷ XXI. Tốc độ già hóa tại các nước đang phát triển ngày càng nhanh hơn tại các nước phát triển¹, dẫn đến nguy cơ “già trước khi giàu” chứ không phải “giàu trước khi già” (Phạm Thắng và Đỗ Thị Khánh Hỷ, 2009).

Mặc dù già hóa dân số chứng tỏ các thành tựu kinh tế, xã hội, y tế và kiểm soát bệnh tật, nhưng nó cũng tạo ra những thách thức lớn đối với thị trường lao động và hệ thống an sinh xã hội. Nó tác động trực tiếp

Vũ Trọng Lâm, PGS.TS., Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

¹ Pháp mất khoảng 75 năm, trong khi Xingapo chỉ mất 19 năm.

đến tăng trưởng kinh tế, thương mại, việc làm, di cư, các dạng bệnh tật và gây ra nhiều sức ép khác.

Tại Việt Nam, việc đo lường mức độ già hóa chủ yếu dựa theo tiêu chí thống kê về tỷ lệ người cao tuổi trong cơ cấu dân số². Theo đó, Việt Nam đang trong giai đoạn già hóa dân số khi tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 12,84% tổng dân số năm 2021. Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa dân số và trở thành nước có dân số già trong khoảng hơn mười năm tới (Viện Khoa học lao động và xã hội, 2023). Dự kiến, vào năm 2036, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già với tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 20% hoặc tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm trên 14%; đến năm 2049, Việt Nam trở thành xã hội siêu già với tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 25% hoặc tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm trên 20% tổng dân số. Hơn thế nữa, Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới (UNFPA, 2012), Việt Nam chỉ còn hơn mười năm (2024 - 2036) để đi từ “dân số già hóa” đến “dân số già” với những thách thức và tác động đa chiều đối với nhiều lĩnh vực từ kinh tế đến an sinh, xã hội và văn hóa; ảnh hưởng đến cơ cấu xã hội, cơ cấu kinh tế, trong đó trước mắt là cơ cấu lao động và tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam hiện nay là phải nhanh chóng đưa ra các chính sách, giải pháp kịp thời, vừa mang tính trước mắt, vừa mang tính lâu dài để thích ứng với già hóa dân số.

² Theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009, người cao tuổi ở Việt Nam là người từ đủ 60 tuổi trở lên.

2. Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam

2.1. Đặc điểm già hóa ở Việt Nam

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới, theo đánh giá của Quỹ Dân số Liên hợp quốc. Trong giai đoạn 2009 - 2019, dân số cao tuổi tăng từ 7,45 triệu lên 11,41 triệu người, tương ứng với tăng từ 8,68% lên 11,86% tổng dân số, chiếm gần 40% tổng dân số tăng thêm. Cũng trong giai đoạn này, khi tổng dân số tăng trung bình 1,14%/năm, dân số cao tuổi tăng tới 4,35%/năm. Trong số người cao tuổi tăng thêm, nhóm người cao tuổi sơ lão (60 - 69 tuổi) có tốc độ tăng cao nhất, tiếp đó là nhóm người cao tuổi đại lão (từ 80 tuổi trở lên) (Tổng cục Thống kê, 2021b).

Dự báo của Tổng cục Thống kê cho thấy, theo phương án trung bình, trong suốt thời kỳ 2019 - 2069, dân số già (dân số từ 65 tuổi trở lên) của Việt Nam tăng rất nhanh, từ 7,4 triệu người vào năm 2019 lên đến 15,46 triệu người vào năm 2039 và đạt 25,16 triệu người vào năm 2069. Trong thời kỳ này, chỉ số già hóa (được tính bằng tỷ số phần trăm giữa số người từ 60 tuổi trở lên so với số trẻ dưới 15 tuổi) liên tục tăng. Năm 2019, chỉ số già hóa của Việt Nam là 48,8%, đến cuối thời kỳ dự báo, chỉ số già hóa 154,3%, tăng gấp ba lần sau nửa thế kỷ. Như vậy, theo phương án trung bình, Việt Nam bắt đầu thời kỳ dân số già từ năm 2036, khi tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên đạt 14,2%. Giai đoạn từ năm 2036 đến năm 2039, Việt Nam có cơ cấu dân số vàng³ cũng đồng thời bước vào thời kỳ dân số già. Thời kỳ dân số già của Việt Nam sẽ kéo dài

³ Theo định nghĩa của Liên hợp quốc (2004), các nước bước vào giai đoạn “cơ cấu dân số vàng” khi tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi chiếm dưới 30% tổng dân số và tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm dưới 15% tổng dân số.

20 năm, từ năm 2036 đến năm 2055. Từ năm 2056 đến năm 2069, Việt Nam sẽ có cơ cấu dân số siêu già khi tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm trên 21% tổng dân số. Tỷ trọng dân số già trong tổng dân số sẽ tăng từ 21,1% năm 2056 lên 21,5% năm 2069. Nguyên nhân là giảm tỷ lệ tử vong và tăng tuổi thọ và chủ yếu là giảm mạnh tỷ lệ sinh (Tổng cục Thống kê, 2021b).

Cơ cấu tuổi của dân số Việt Nam biến đổi theo xu hướng giảm tỷ trọng của trẻ em dưới 15 tuổi và tăng nhanh tỷ trọng của dân số từ 60 tuổi trở lên; điều này đã làm cho chỉ số già hóa có xu hướng tăng lên nhanh chóng trong hai thập niên vừa qua. Xét theo chỉ số già hóa, năm 2019, chỉ số già hóa của Việt Nam là 48,8%, tăng hơn hai lần trong vòng 20 năm (Hà Thị Đoàn Trang, 2021). Theo số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê, năm 2019, cả nước có 11,2% dân số từ 60 tuổi trở lên, tức là cứ gần chín người lại có một người từ 60 tuổi trở lên; đến năm 2023, tỷ lệ này là 13,9%. Nhóm dân số trong độ tuổi từ 15 - 59 tuổi chiếm 63,8% năm 2019 giảm xuống còn 62,2% năm 2023 (Tổng cục Thống kê, 2023).

2.2. Cơ cấu dân số theo độ tuổi

Già hóa góp phần làm cho cơ cấu dân số theo độ tuổi ở Việt Nam thay đổi. Trong giai đoạn 2012 - 2022, cơ cấu tuổi và giới tính của dân số Việt Nam có ba đặc điểm đáng chú ý dẫn đến thay đổi cơ cấu tuổi dân số Việt Nam, đó là:

Một là, tỷ lệ dân số trẻ em 0 - 14 tuổi trong tổng dân số tăng nhẹ từ 23,18% năm 2012 lên 23,75% năm 2022.

Hai là, tỷ lệ dân số trong độ tuổi 15 - 59 giảm từ 65,66% năm 2012 xuống 61,69% năm 2022. Nếu tính theo độ tuổi 15 - 64 để so sánh quốc tế, tỷ lệ này giảm từ 69,04% xuống khoảng 66,62%.

Ba là, số lượng và tỷ lệ dân số cao tuổi trong tổng dân số đều tăng lên rõ rệt và có chênh lệch ngày càng lớn giữa phụ nữ cao tuổi và nam giới cao tuổi khi tuổi tăng lên. Trong vòng mười năm (2012 - 2022), nhóm sơ lão (60 - 69 tuổi) tăng thêm khoảng 3,52 triệu người, nhóm trung lão (70 - 79 tuổi) tăng thêm 692.400 người và nhóm đại lão (từ 80 tuổi trở lên) tăng thêm khoảng 351.200 người. Tốc độ tăng cao ở nhóm sơ lão (5,6%/năm), trong đó cao nhất là nhóm 64 - 69 tuổi với tốc độ khoảng 6,4%/năm, sau đó giảm dần ở nhóm trung lão và nhóm đại lão (Viện Khoa học lao động và xã hội, 2023).

2.3. Cơ cấu giới tính của người cao tuổi

Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới bao gồm Việt Nam, tuổi thọ trung bình của phụ nữ luôn cao hơn nam giới; điều này dẫn đến tình trạng “nữ hóa” trong dân số cao tuổi. Ở nước ta, theo giới tính, giai đoạn 2009 - 2019, nam giới cao tuổi tăng thêm khoảng 1,76 triệu người, trong khi phụ nữ cao tuổi tăng thêm khoảng 2,19 triệu người; cùng thời gian này, tổng dân số nam và nữ tăng thêm lần lượt là gần 5,47 triệu người và 4,89 triệu người (Tổng cục Thống kê, 2021a). Trong giai đoạn 2012 - 2022, nam giới cao tuổi tăng thêm khoảng 2,06 triệu người, trong khi phụ nữ cao tuổi tăng thêm khoảng 2,5 triệu người (Viện Khoa học lao động và xã hội, 2023). Có thể thấy, xu hướng “nữ hóa” người cao tuổi trong cơ cấu dân số ở nước ta rất rõ ràng; điều này liên quan đến các vấn đề như sắp xếp cuộc sống của người cao tuổi, tỷ lệ góa chồng/vợ và chăm sóc y tế cho họ...

2.4. Phân bố dân số cao tuổi theo khu vực

Nhờ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, tỷ lệ người cao tuổi sinh sống ở khu

vực nông thôn đã giảm nhưng vẫn chiếm đa số. Trong giai đoạn 2009 - 2019, tỷ lệ người cao tuổi sống ở nông thôn giảm từ 72,47% năm 2009 xuống 67,16% năm 2019, tương ứng tỷ lệ người cao tuổi sống ở thành thị tăng từ 27,53% lên 32,84%. Trong giai đoạn 2012 - 2022, tỷ lệ người cao tuổi sống ở nông thôn giảm từ 67,45% xuống 62,12%, đồng nghĩa với tỷ lệ người cao tuổi sống ở thành thị tăng từ 32,55% lên 37,88%. Đây là tiêu chí quan trọng cần được quan tâm khi xây dựng, quy hoạch các chính sách, dịch vụ dành cho người cao tuổi, đặc biệt là nhóm đại lão (Tổng cục Thống kê 2021b; Viện Khoa học lao động và xã hội, 2023).

2.5. Dự báo xu hướng già hóa dân số trong thời gian tới

Xu hướng già hóa của dân số Việt Nam trong thời gian qua một phần là do tuổi thọ tăng cao, song nguyên nhân cơ bản vẫn là do mức sinh giảm mạnh xuống dưới mức sinh thay thế. Do đó, để kéo dài lợi tức của dân số vàng và làm chậm quá trình già hóa,

cần quan tâm đến việc bảo đảm mức sinh thay thế.

Giai đoạn chuyển từ dân số già hóa sang giai đoạn dân số già của Việt Nam rất ngắn, khoảng 25 năm (từ năm 2013 đến khoảng năm 2036 - 2039), đặt ra thách thức “già trước khi giàu”. Đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã trải qua hơn mười năm và do đó, chỉ còn khoảng hơn mười năm trước khi bước vào giai đoạn dân số già. Đặc điểm này diễn ra trong bối cảnh của một quốc gia có thu nhập trung bình thấp, tiết kiệm thấp, các hạn chế về nguồn lực gây ra những áp lực cho quốc gia hướng đến xã hội già hóa chủ động. Do đó, Việt Nam sẽ chính thức bước vào giai đoạn dân số già (khi tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 14% tổng dân số) vào khoảng năm 2039 với tỷ lệ người cao tuổi đạt 14,17% tổng dân số (với gần 15,46 triệu người). Mặt khác, xét về lợi tức dân số lần thứ nhất, dự báo dân số của Tổng cục Thống kê cho thấy “cơ cấu dân số vàng” ở Việt Nam sẽ kết thúc vào năm 2039.

BẢNG 1: Dự báo quy mô dân số cao tuổi giai đoạn 2029 - 2069

Tuổi	Năm 2029		Năm 2039		Năm 2049		Năm 2069	
	Quy mô (triệu người)	Tỷ lệ (%)	Quy mô (triệu người)	Tỷ lệ (%)	Quy mô (triệu người)	Tỷ lệ (%)	Quy mô (triệu người)	Tỷ lệ (%)
60 trở lên	17,28	16,53	22,29	20,21	28,61	24,88	31,69	27,11
65 trở lên	12,03	11,51	15,46	14,17	21,09	18,34	25,16	21,52

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê (2021b).

3. Những tác động của già hóa dân số đối với các vấn đề kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Với xu hướng đang diễn ra, tình trạng già hóa dân số Việt Nam đang tác động mạnh mẽ và đặt ra một số vấn đề xã hội cấp thiết đối với nền kinh tế - xã hội đất nước, đặc biệt là đối với hệ thống chính sách an sinh và phúc lợi xã hội.

3.1. Già hóa đang tạo ra sức ép đối với việc xây dựng và phát triển lực lượng lao động ở Việt Nam⁴

Lực lượng lao động là yếu tố sản xuất

⁴ Số liệu được trình bày trong nội dung này được tổng hợp, tính toán căn cứ trên báo cáo điều tra lao động và việc làm hàng năm của Tổng cục Thống kê trong giai đoạn 2012 - 2022.

không thể thiếu để phát triển kinh tế - xã hội bền vững và chịu ảnh hưởng sâu sắc của tình trạng già hóa dân số. Trong bối cảnh già hóa dân số, quy mô lực lượng lao động tiếp tục gia tăng nhưng tốc độ đã chậm lại. Cụ thể: (a) Lực lượng lao động gia tăng từ 52,35 triệu người năm 2012 lên 54,84 triệu người năm 2020 và đạt 51,7 triệu người năm 2022⁵; (b) Giai đoạn 2012 - 2015, tốc độ tăng bình quân hàng năm của lực lượng lao động là 1,06%; giai đoạn 2016 - 2020 giảm còn 0,8%; (c) Mức tăng bình quân hàng năm của lực lượng lao động là gần 615.000 người trong giai đoạn 2012 - 2016 và chỉ còn khoảng 450.000 người trong giai đoạn 2016 - 2020 và có xu hướng giảm tiếp trong thời gian tới. Hiện trạng này cảnh báo nguy cơ suy giảm và thiếu hụt lao động cho phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Ngoài ra, việc chuyển đổi nhân khẩu học theo hướng già hóa dân số nhanh cũng dẫn đến tình trạng lực lượng lao động bị già hóa. Lực lượng lao động cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) tăng nhanh: 3,93 triệu người năm 2012, tăng lên gần 6 triệu người năm 2019; 4,77 triệu người năm 2020⁶; 4,65 triệu người năm 2021; gần 4,74 triệu người năm 2022⁷.

⁵ Số liệu của năm 2021 và 2022 tính theo tiêu chuẩn thống kê lao động quốc tế ICLS19 (bộ nhóm dân số hoạt động tự cung, tự cấp trong nông nghiệp ra khỏi lực lượng lao động); số liệu của các năm 2011 - 2020 tính theo tiêu chuẩn cũ ICLS13.

⁶ Giai đoạn 2012 - 2020, số liệu về thị trường lao động của Tổng cục Thống kê đã công bố được tính toán theo tiêu chuẩn ICLS 13. Do đó, khi xem xét xu hướng tăng, giảm trong mười năm qua, chỉ có thể tính toán trong giai đoạn 2012 - 2020 để bảo đảm sự đồng nhất về tiêu chuẩn thống kê (phương pháp tính toán).

⁷ Từ năm 2021 trở đi, Tổng cục Thống kê chính thức tính toán và công bố các chỉ số thị trường lao động theo tiêu chuẩn mới (ICLS 19). Do đó, lực lượng lao động của cả nước giảm hơn bốn triệu người và lực lượng lao động theo các nhóm tuổi cũng giảm do loại nhóm lao động hoạt động tự cung, tự cấp trong

Nhìn chung, cả giai đoạn 2012 - 2020, tỷ lệ tăng bình quân như sau: lực lượng lao động cao tuổi tăng 3,23%/năm (tương ứng tăng 137.000 người/năm); lực lượng lao động trung niên tăng chậm hơn với tốc độ bình quân 1,32%/năm (tương ứng tăng 505.000 người/năm); lực lượng lao động độ tuổi thanh niên (15 - 29 tuổi) đang giảm với tốc độ bình quân 1,31%/năm (tương ứng giảm 203.000 người/năm).

Quá trình biến đổi cơ cấu dân số dẫn đến xu hướng tăng tuổi bình quân của lực lượng lao động từ 40,86 tuổi năm 2012 lên 41 tuổi năm 2020 và 41,13 tuổi năm 2022. Tuổi trung vị của lực lượng lao động cũng tăng từ 39 tuổi năm 2012 lên 40 tuổi năm 2020 và 40,21 tuổi năm 2022. Điều này cảnh báo nguy cơ suy giảm năng suất lao động trong tương lai do lực lượng lao động bị suy giảm năng lực, không đáp ứng yêu cầu của công việc nói chung và yêu cầu chuyên gia công nghệ mới.

3.2. Già hóa dân số đang tạo thách thức đối với hệ thống lương hưu, bảo hiểm, các mô hình trợ giúp xã hội và hệ thống chăm sóc xã hội

Đến nay, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội đã gia tăng nhanh chóng. Cụ thể là: Giai đoạn 2011 - 2016, tốc độ tăng bình quân là 5,4%/năm, từ 10,5 triệu người năm 2011 lên 13,05 triệu người năm 2016. Giai đoạn 2017 - 2021, tốc độ tăng bình quân là 6,48%/năm, từ 16,2 triệu người năm 2020 và 16,6 triệu người năm 2021, chiếm 36% lực lượng lao động trong độ tuổi. Đặc biệt, từ năm 2019, do Nhà nước có chính sách hỗ trợ và đổi mới phương thức tổ chức thực hiện, chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện

nông nghiệp ra khỏi lực lượng lao động (theo cách tính mới).

đã tạo bước đột phá về mở rộng đối tượng tham gia. Tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đến năm 2021 đạt 1,5 triệu người. Tuy nhiên, ở Việt Nam, một bộ phận lớn người dân không có lương hưu và trợ cấp xã hội. Năm 2021, cả nước có khoảng 14,35 triệu người cao tuổi, trong đó có khoảng 6,57 triệu người được hưởng chính sách xã hội gồm chế độ hưu trí và trợ cấp xã hội, chiếm 45,78%. Hơn 50% người cao tuổi còn lại hiện chưa được hưởng chính sách xã hội và phải sống dựa vào nguồn tiết kiệm hoặc dựa vào người thân, hoặc tiếp tục làm việc để kiếm sống.

Quy mô dân số cao tuổi tăng nhanh, tạo áp lực lên hệ thống lương hưu. Giai đoạn 2012 - 2022, quy mô dân số cao tuổi từ 60 tuổi trở lên tăng từ 9,26 triệu người năm 2012 lên 14,64 triệu người năm 2022, tăng bình quân 3,09%/năm, gần bằng ba lần tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm trong cùng giai đoạn (1,12%/năm). Theo đó, tỷ lệ người cao tuổi tăng từ 10,43% năm 2012 lên 14,86% năm 2022 (Viện Khoa học lao động và xã hội, 2023).

Có thể nói, già hóa dân số sẽ đặt tính bền vững của hệ thống bảo hiểm xã hội vào thử thách lớn hơn và sẽ tiếp tục như vậy trong một thời gian dài. Trong những năm gần đây, chi phí bảo hiểm hưu trí cho người lao động ở nước ta đã tăng dần theo tỷ lệ người già phụ thuộc ngày càng tăng và lương hưu ở nhiều nơi không thể trang trải chi phí cho họ. Tỷ lệ người cao tuổi phụ thuộc tăng dần đã làm gia tăng áp lực lên cán cân thanh toán bảo hiểm hưu trí cơ bản.

3.3. Xu hướng già hóa dân số nhanh gây áp lực lớn đối với hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội

Tính đến năm 2019, cả nước chỉ có 49 trong 63 tỉnh, thành có khoa lão tại các

bệnh viện đa khoa tỉnh hoặc bệnh viện lão khoa; số giường bệnh, đội ngũ y bác sĩ và cán bộ y tế dành cho lão khoa còn mỏng. Bảo hiểm y tế cũng bị ảnh hưởng sâu sắc bởi già hóa dân số. Khi tuổi tác tăng lên, người cao tuổi có nhu cầu quản lý bệnh mãn tính và chăm sóc phục hồi chức năng ngày càng cao, làm cho chi phí y tế tăng cao. Nếu duy trì cơ chế hiện tại, quỹ bảo hiểm y tế sẽ gặp rủi ro thanh toán. Ngoài ra, một số địa phương hiện vẫn chưa thể bố trí kinh phí thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi như khám sức khỏe định kỳ do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để thành lập khoa lão còn thiếu...

Già hóa dân số còn gây áp lực lớn đối việc chăm sóc gia đình. Tỷ lệ sinh thấp do tỷ lệ sinh giảm đã dẫn đến những thay đổi lớn trong mô hình gia đình của Việt Nam hiện nay, với các hình thức gia đình như gia đình không đầy đủ và gia đình độc thân gia nua ngày càng trở nên phổ biến. Việc thu nhỏ cấu trúc gia đình đã làm suy yếu đáng kể chức năng chăm sóc người cao tuổi của gia đình truyền thống và làm cho cuộc sống của người cao tuổi trong những năm cuối đời bấp bênh hơn.

3.4. Già hóa dân số sẽ ảnh hưởng đến mức độ tiêu dùng và tiết kiệm xã hội

Tiêu dùng là mục tiêu cuối cùng của lưu thông hàng hóa và cá nhân cuối cùng sẽ thỏa mãn nhu cầu của mình thông qua tiêu dùng; việc nâng cao năng lực tiêu dùng và giải phóng tiềm năng tiêu dùng cũng góp phần thúc đẩy nguồn cung hiệu quả và là lực đẩy cho hoạt động kinh tế ổn định. Còn tiết kiệm là nguồn vốn quan trọng để đầu tư và tích lũy vốn, tỷ lệ tiết kiệm tăng sẽ có lợi cho đầu tư ổn định và tăng trưởng kinh tế ổn định. Cả hai yếu tố này đều bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tình trạng già hóa dân số.

Ở khía cạnh tiêu dùng, già hóa dân số sẽ dẫn đến tổng tiêu dùng giảm và thay đổi cơ cấu tiêu dùng. Nhìn chung, quan niệm tiêu dùng của người cao tuổi ở Việt Nam còn tương đối bảo thủ, mức độ sẵn sàng chi tiêu còn thấp, thu nhập không cao hoặc không ổn định, thậm chí thiếu thốn cũng đã hạn chế khả năng tiêu dùng của họ. Về mặt tiết kiệm, gia tăng số lượng người cao tuổi sẽ làm giảm tỷ lệ tiết kiệm chung của xã hội và tạo ra những hạn chế về đầu tư, không có lợi cho tăng trưởng kinh tế ổn định.

3.5. Già hóa dân số làm tăng gánh nặng chăm sóc gia đình và ảnh hưởng tới hạnh phúc chung của gia đình, làm gia tăng bất bình đẳng giới

Hoặc vì chi phí cao hoặc vì chất lượng không được bảo đảm, mức độ xã hội hóa việc chăm sóc người già hàng ngày ở nước ta còn thấp và trách nhiệm chăm sóc chủ yếu vẫn do các thành viên trong gia đình đảm nhận. Mặt khác, già hóa dân số làm gia tăng bất bình đẳng giới ở nhiều nơi, nhất là ở nông thôn. Do phân công lao động truyền thống theo giới tính, người chăm sóc chủ yếu là phụ nữ trung niên; họ không thể hoặc bị hạn chế tham gia thị trường lao động vì phải gánh vác công việc nội trợ gia đình nặng nhọc. Điều này một mặt sẽ làm giảm sự tham gia lao động xã hội của phụ nữ, mặt khác cũng sẽ làm tăng thêm những tác động tiêu cực đến tình trạng sức khỏe của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ trung niên và người cao tuổi. Từ góc độ vòng đời, họ thiếu bảo đảm tài chính đầy đủ trong những năm cuối đời vì không tham gia thị trường lao động hoặc nghỉ hưu sớm để chăm sóc người cao tuổi trong gia đình. Già hóa dân số gắn liền với các quan niệm giới truyền thống lạc hậu, tạo ra những hình thức bất bình đẳng mới.

Như vậy, có thể thấy, già hóa dân số ngày càng gia tăng và không thể đảo ngược đã đặt ra những thách thức nặng nề cho xã hội. Hiện tại, hệ thống phúc lợi xã hội của Việt Nam vẫn đang hoạt động ở mức độ thấp, cải cách hệ thống y tế và bảo hiểm xã hội có nhiều tiến bộ nhưng chưa được thiết lập đầy đủ; việc chăm sóc người già chưa được tổ chức thực hiện hiệu quả. Trong bối cảnh này, việc số lượng người cao tuổi tăng nhanh chắc chắn sẽ mang lại nhiều hệ lụy.

4. Một số giải pháp nhằm thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam trong thời gian tới

Già hóa dân số là xu hướng không thể đảo ngược, Chính phủ cần xây dựng và thực hiện “Chiến lược quốc gia chủ động thích ứng với già hóa dân số” nhằm đánh giá tổng thể tình hình và đề ra các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam trong thời gian tới; đẩy mạnh đổi mới phương thức sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất lao động của dân số trong độ tuổi lao động, hình thành mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thích ứng với xu hướng già hóa dân số. Đây là nội dung rất quan trọng để duy trì tiến bộ xã hội trong một xã hội đang già hóa.

Đối với nhiều nước phát triển, quá trình chuyển đổi nhân khẩu học là diễn ra tự nhiên và không cần can thiệp chính sách nên già hóa dân số, cũng là một quá trình diễn ra từ từ và chậm rãi. Trong trường hợp này, dựa trên những thay đổi về giá tương đối của vốn và lao động và dựa vào điều chỉnh tự phát của cơ chế thị trường, có thể hình thành một mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với một xã hội già hóa. Tuy nhiên, già hóa dân số nhanh chóng ở nước ta đã làm giảm đáng kể “thời kỳ vàng” của lợi

tức nhân khẩu học, nên cần phải được bổ sung bằng sự can thiệp và áp dụng các chính sách phát triển kinh tế. Cụ thể là:

Thứ nhất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiết kiệm lao động. Tác động trực tiếp của già hóa đến phát triển kinh tế là thị trường lao động liên tục bị thu hẹp, do đó, việc khuyến khích áp dụng khoa học và công nghệ nhằm tiết kiệm lao động có vai trò quan trọng trong các chính sách phát triển kinh tế. Cần lưu ý rằng, việc áp dụng các công nghệ tiết kiệm lao động phải được bổ sung bằng hệ thống tái phân phối phù hợp với xã hội già hóa; có như thế mới thực sự đạt được mục đích nâng cao năng suất lao động và góp phần phát triển bền vững, hài hòa của xã hội. Nếu không, sẽ có những tình huống bất lợi như khoảng cách thu nhập ngày càng lớn và tình trạng nghèo đói gia tăng liên quan đến già hóa dân số.

Thứ hai, hình thành hệ thống thị trường lao động tương thích với một xã hội đang già hóa. Khi dân số trong độ tuổi lao động giảm dần, việc thúc đẩy thị trường lao động linh hoạt hơn và việc làm đa dạng hơn sẽ đóng vai trò tích cực trong việc giảm thiểu tác động của già hóa dân số. Điều này đã được khẳng định qua kinh nghiệm của nhiều quốc gia bước vào xã hội già hóa từ rất sớm. Đồng thời, để ứng phó với tình trạng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động nữ ngày càng giảm, cần nỗ lực khuyến khích sự tham gia của lực lượng lao động nữ thông qua các biện pháp như: chống phân biệt đối xử trong việc làm, trợ cấp sinh con và tăng cường các dịch vụ chăm sóc trẻ em công cộng.

Thứ ba, cải thiện hệ thống hưu trí và hệ thống bảo hiểm hưu trí càng sớm càng tốt. Việc kéo dài tuổi nghỉ hưu không chỉ có thể

làm tăng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của người cao tuổi mà còn giảm bớt áp lực trả lương hưu. Khi tuổi thọ trung bình tiếp tục tăng, việc thiết lập một hệ thống lương hưu linh hoạt, tức là nhận lương hưu cấp thấp sớm và lương hưu cấp cao muộn hơn, không chỉ có thể đáp ứng nhu cầu của những người lao động khác mà cả những người cao tuổi sẵn sàng làm việc. Từ góc độ cải cách hệ thống an ninh lương hưu, cần thực hiện sự phối hợp quốc gia về hệ thống bảo hiểm hưu trí càng sớm càng tốt và nâng cao tính công bằng và bền vững của các phúc lợi hưu trí cơ bản. Có thể cân nhắc việc tích hợp hệ thống hiện tại vào hệ thống bảo đảm thu nhập cho người già với nhiều tầng như: lương hưu liên quan đến đóng góp cá nhân, lương hưu bổ sung tại nơi làm việc và tiết kiệm lương hưu cá nhân. Đồng thời, bằng cách cải thiện mức độ phối hợp trong bảo hiểm hưu trí, tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực lương hưu và nâng cao tính bền vững của hệ thống, nhằm chủ động ứng phó tốt hơn với tình trạng già hóa dân số.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hà Thị Đoan Trang (2021), “Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính*, trực tuyến tại: https://mof.gov.vn/webcenter/portal/cd/pages_r/1/chi-tiet-tin-cong-doan?dDocName=MOFUCM203331.
2. Phạm Thắng và Đỗ Thị Khánh Hỷ (2009), *Báo cáo tổng quan về chính sách chăm sóc người già thích ứng với thay đổi cơ cấu tuổi tại Việt Nam*, Tổng cục Dân số và kế hoạch hóa gia đình, Quỹ Dân số Liên hợp quốc.
3. Tổng cục Thống kê (2021a), *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 - Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*, Hà Nội.

4. Tổng cục Thống kê (2021b), “Dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2019 - 2069”, *website của UNFPA*, trực tuyến tại: <https://vietnam.unfpa.org/vi/publications/du-bao-dan-so-viet-nam-giai-doan-2019-2069>.
5. Tổng cục Thống kê (2023), “Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2023”, *Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thống kê*, trực tuyến tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-dan-so-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2023/>.
6. UNFPA (2012), “Già hóa trong thế kỷ 21: Thành tựu và thách thức”, *website của UNFPA*, trực tuyến tại: https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/Global_Report_Ageing_Exec_Summary_VN.pdf.
7. Viện Khoa học lao động và xã hội (2023), *Nhận diện một số vấn đề xã hội mới, vấn đề cần ưu tiên trong chính sách xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Đề tài khoa học cấp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hà Nội.

Ngày nhận bài : 05-04-2024

Ngày nhận bản sửa : 17-04-2024

Ngày duyệt đăng : 17-04-2024